

KHẢO SÁT ĐẶC TRƯNG CÚ PHÁP VÀ TỪ VỰNG CỦA DIỄN NGÔN PHẦN MỞ ĐẦU LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM VÀ ÚC

• ThS. Trần Thị Ngọc Phương^(*)

Tóm tắt

Dựa trên lý thuyết phân tích diễn ngôn, nghiên cứu này tập trung vào việc mô tả và phân tích các đặc trưng diễn ngôn điển hình của phần giới thiệu luận văn thạc sĩ Ngôn ngữ Anh tại Úc (A-ELMTIs) và tại Việt Nam (V-ELMTIs) về phương diện đặc trưng cú pháp và từ vựng. Về đặc trưng cú pháp, câu đơn được sử dụng với tần số lớn hơn nhiều ở V-ELMTIs, trong khi đó câu phức được sử dụng nhiều hơn ở A-ELMTIs. Về phương diện từ vựng, A-ELMTIs sử dụng “các thuật ngữ đối chiếu” và “từ chỉ lượng và tiền tố phủ định” cao hơn so với V-ELMTIs, cụ thể là “các thuật ngữ đối chiếu” và cả hai A-ELMTIs và V-ELMTIs đều sử dụng rất thấp “từ phủ định”.

Từ khóa: luận văn thạc sĩ, phân tích diễn ngôn, cú pháp, từ vựng.

1. Giới thiệu

Tiếng Anh là một trong những ngôn ngữ quốc tế luôn đóng vai trò là phương tiện giao tiếp giữa các quốc gia, giữa các nền văn hoá và giữa các cộng đồng. Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, tiếng Anh đã trở thành điều kiện tiên quyết để mỗi quốc gia hội nhập vào đại gia đình thế giới. Ngoài việc học đại học chuyên ngành Tiếng Anh, sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học thường có xu hướng tiếp tục học lên cao học. Vậy để có được bằng Thạc sĩ trong lĩnh vực nào đó, học viên thường phải làm luận văn để đáp ứng các yêu cầu của khóa học và do đó, phần mở đầu luận văn đóng một vai trò không thể yếu trong quá trình này. Phần mở đầu giúp người đọc quyết định rằng họ có thích chủ đề đó hay không hoặc có nên tiếp tục đọc tiếp luận văn đó hay không. Trong thực tế, người học thường có khó khăn trong việc viết phần mở đầu luận văn, bởi vì họ có thể không biết bắt đầu từ đâu hoặc ý tưởng gì nên đưa vào phần mở đầu.

Phần mở đầu luận văn thạc sĩ (ELMTIs) được viết khác nhau giữa các trường đại học ở Việt Nam và Úc. Trong nhiều năm qua, Úc là nước có môi trường giáo dục thu hút được rất nhiều sinh viên và học giả Việt Nam. Vì vậy, đề tài này có thể giúp sinh viên Việt Nam tránh được những vướng mắc khi thực hiện nghiên cứu hoặc viết luận văn ở các trường đại học Úc.

Hơn nữa, đề tài này mạnh mẽ đào tạo Thạc sĩ Ngôn

ngữ Anh ở Việt Nam nâng tầm quốc tế và hòa nhập vào tiêu chuẩn giáo dục toàn cầu, nghiên cứu về nét tương đồng và dị biệt giữa phần mở đầu luận văn thạc sĩ tại Việt Nam và Úc sẽ giúp đạt được những mục tiêu được đề ra.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Phân tích Diễn ngôn

Brown và Yule [1, tr. III] cho rằng “diễn ngôn là ngôn ngữ khi sử dụng” và nhận xét rằng “thuật ngữ phân tích diễn ngôn được sử dụng với một loạt các ý nghĩa trong đó bao gồm một loạt các hoạt động tại các giao điểm của nhiều ngành từ Xã hội học, Ngôn ngữ học, Tâm lý ngôn ngữ học cho đến các ngành Ngôn ngữ học máy tính”. Theo Salkie [7, tr. ix], diễn ngôn là “một chuỗi ngôn ngữ có thể kéo dài hơn một câu”. Và với cùng ý tưởng như Salkie, Cook [3, tr. 156] cho rằng diễn ngôn là “chuỗi ngôn ngữ có ý nghĩa, thống nhất và có mục đích”. Hơn nữa, Nunan [5, tr. 5] đã khẳng định rằng “diễn ngôn có thể được định nghĩa như là một chuỗi ngữ bao gồm nhiều câu liên quan đến nhau. Câu có thể liên quan không chỉ về ý nghĩa mà còn liên quan về chức năng của câu”.

Kết luận, tất cả các khái niệm trên của diễn ngôn đã đề cập đến các ứng dụng của ngôn ngữ. Do vậy, các nhà phân tích diễn ngôn gần đây có xu hướng dựa vào quan sát việc sử dụng ngôn ngữ trong suốt cuộc hội thoại theo trình tự của câu. Về các định nghĩa đã nêu, bài báo cáo này hiểu diễn ngôn như sau:

- Diễn ngôn là ngôn ngữ để sử dụng.

^(*) Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

- Diễn ngôn là một đơn vị ngôn ngữ có ý nghĩa và mục đích thống nhất.

- Diễn ngôn có thể thay đổi và gắn bó chặt chẽ liên quan đến bối cảnh mà nó được sử dụng.

2.2. Sự gắn kết

Sự gắn kết có thể được coi như là tất cả các liên kết về ngữ pháp và từ vựng kết nối một phần của một văn bản này với văn bản khác. Điều này bao gồm việc sử dụng các từ đồng nghĩa, bộ từ vựng, đại từ, động từ, tham chiếu thời gian, ngữ pháp... để giúp sâu chuỗi một văn bản, liên kết các ý tưởng và lập luận trong một văn bản. Halliday cho thấy rằng, một văn bản “có bố cục và điều này giúp phân biệt nó từ một cái gì đó không phải là một văn bản... Bố cục được tạo nên từ các mối quan hệ gắn kết” [3, tr. 2]. Sự gắn kết có liên quan đến các thiết bị ngôn ngữ rõ ràng được thể hiện một phần thông qua ngữ pháp và một phần thông qua từ vựng. Nói cách khác, sự gắn kết bao gồm sự gắn kết về ngữ pháp và sự gắn kết từ vựng. Trong khi thuật ngữ này có thể được sử dụng trong một hàm nghĩa rộng hơn, nhưng trong bối cảnh của nghiên cứu này, trọng tâm vẫn là hai yếu tố chính nêu trên.

3. Phương pháp

3.1. Thu thập dữ liệu

30 ELMTs trong nghiên cứu này đã được thu thập tại Việt Nam và Úc theo nhiều chủ đề khác nhau. Tất cả các đề tài bao gồm một chương có tựa đề Phần giới thiệu với chiều dài khác nhau, từ 700-1.400 từ. Mẫu Phần giới thiệu luận văn được thu thập tại thư viện của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng và Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc công bố trên mạng xã hội. Với các nguồn dữ liệu tiếng Anh, 15 luận văn thạc sĩ được thu thập từ các trường đại học của Úc thông qua các bộ sưu tập luận văn thạc sĩ của Đại học Queensland (Úc) và thông qua liên lạc trực tiếp với cả giáo viên và học viên tại Úc.

3.2. Phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập dữ liệu, dữ liệu đã được phân loại và được chia thành nguồn tiếng Anh và nguồn tiếng Việt. Những phần giới thiệu được phân tích theo các đặc trưng ngữ pháp và từ vựng bằng cách sử dụng cả hai phương pháp định tính và định lượng. Về phương diện lựa chọn từ vựng, bài nghiên cứu này sử dụng phần mềm có tên AntConc để đếm tổng số từ và dựa vào đó để phân loại số

từ lặp đi lặp lại. Từ sự phân loại này có thể xác định phạm vi của các từ được sử dụng và những từ thường xuyên nhất được sử dụng trong phần giới thiệu luận văn.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc trưng cú pháp

Trong phần này, chúng tôi muốn nghiên cứu một số các thiết bị cú pháp được sử dụng trong phần giới thiệu luận văn tại Úc (A-ELMTIs) và phần giới thiệu luận văn tại Việt Nam (V-ELMTIs), cụ thể là thể bị động và các loại câu.

4.1.1. Thể trong A-ELMTIs và V-ELMTIs

Trong tiếng Anh, thể bị động là thể ngữ pháp trong đó chủ thể tiếp nhận hành động của ngoại động từ. Quirk [6] cho rằng thể bị động thường được sử dụng trong dạng văn bản giàu thông tin hơn trong văn bản giàu trí tưởng tượng. Theo quan sát, tất cả các ELMTIs đều có mục đích và mục tiêu cũng như mục đích để tiến hành nghiên cứu, vì vậy chúng tôi quyết định nghiên cứu hai loại bị động, một là bị động có chủ đích (để làm gì) và loại khác là bị động không có chủ đích. Trong bài nghiên cứu này, thể bị động có chủ đích là một dạng bị động riêng biệt được hiểu khi nói về mục đích và mục tiêu hoặc sự nhấn mạnh vào “mục tiêu” và “để thông báo”. Trong khi đó, dạng bị động mà không có chủ đích là một dạng bị động nói chung, trong đó nhấn mạnh “mục tiêu” hoặc quá trình chứ không phải là người đang thực hiện hành động. Tỷ lệ sử dụng thể bị động có chủ đích trong A-ELMTIs và V-ELMTIs là khá khiêm tốn, chiếm 11,4% và 18,6% tương ứng. Theo quan sát và phân tích từ các dữ liệu, phần lớn các trường hợp bị động có chủ đích được sử dụng để chỉ ra những mục tiêu hay mục đích để thực hiện các đề tài và điều này được coi như là một yêu cầu cần thiết cho bất kỳ tác giả nào.

4.1.2. Các loại câu

Theo Thorne [9], loại câu bao gồm bốn loại: câu đơn (bao gồm một mệnh đề độc lập); câu phức (có chứa một mệnh đề độc lập và một hoặc nhiều mệnh đề phụ thuộc); câu ghép (có chứa hai hoặc nhiều mệnh đề độc lập liên kết với nhau bởi một liên từ, trạng từ nối hoặc dấu chấm phẩy); và câu ghép phức hợp (là sự kết hợp của hai hay nhiều mệnh đề độc lập và một hoặc nhiều mệnh đề phụ thuộc). Kết quả cho thấy rằng, câu ghép phức hợp được sử

dụng tương đối khiêm tốn trong A-ELMTIs và V-ELMTIs (tức là 11,7% và 13,0% tương ứng), trong khi đó câu đơn và câu phức được sử dụng thường xuyên hơn. Điều khá ngạc nhiên, các câu phức lại được ưa dùng nhất trong A-ELMTIs hơn các câu đơn và chiếm tỷ lệ cao nhất là 48,2%, trong khi tần suất sử dụng câu đơn nhỏ hơn nhiều, chiếm 27,1%. Ngược lại, ở V-ELMTIs, câu ghép và câu ghép phức hợp chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn (tức là 10,9% và 9,4% tương ứng), câu đơn lại được ưa dùng nhất ở V-ELMTIs và chiếm tỷ lệ cao nhất 45,2% và câu phức chiếm tỷ lệ tương đối lớn là 34,5%.

4.2. Sự lựa chọn từ vựng

Trong ngôn ngữ học, Yeibo [10] mô tả từ vựng như là sự tích lũy của ngôn ngữ được hiểu như các khuôn mẫu có sẵn có thể được nhớ lại và sắp xếp thành bài phát biểu và văn bản đầy đủ ý nghĩa. Như vậy, từ vựng, như một khái niệm, có một bản sắc riêng từ các cấp truyền thống khác của nghiên cứu ngôn ngữ học hoặc phiên dịch, vì nó đề cập cụ thể đến vốn từ của một ngôn ngữ mà nhà văn và người nói lựa chọn theo mục đích hoặc ý định riêng của họ. Để phục vụ cho mục đích của nghiên cứu này, các chỉ số ngôn ngữ sau đây được xác định bởi Swales và feak [8] đã được sử dụng để phân tích: các thuật ngữ đối chiếu (tức là tuy nhiên, chưa, trong khi/trong khi đó, nhưng, mặc dù, tuy nhiên), từ chỉ lượng và tiền tố phủ định (tức là hạn chế; rất ít, một vài) và từ phủ định (không có, không được, không).

4.2.1. Các thuật ngữ đối chiếu

Cả hai A-ELMTIs và V-ELMTIs sử dụng “nhưng” khá cao, chiếm 33,7% và 50% tương ứng. “Nhưng” thường báo hiệu hai loại tương phản: (i) “sự phủ nhận một kỳ vọng” (những gì mong đợi sau khi đọc các liên kết đầu tiên hóa ra lại không đúng khi đọc liên kết thứ hai); và (ii) các “dấu hiệu của sự tương phản ngữ nghĩa” (Celce-Murcia & Larsen-Freeman, [3]). “Tuy nhiên” là một thuật ngữ tương phản khác được sử dụng thường xuyên hơn trong cả hai ELMTIs, cụ thể với 23 trường hợp (27,7%) trong A-ELMTIs và với 16 trường hợp (22,8%) trong V-ELMTIs, nhưng chỉ với một từ này sẽ không đảm bảo dấu hiệu rõ ràng về sự chênh lệch của vấn đề. Với tần số xuất hiện tương đối trong A-ELMTIs và V-ELMTIs (6 trường hợp và 7 trường hợp tương ứng), “mặc dù”

có vẻ là một lựa chọn phổ biến sau “nhưng, tuy nhiên, trong khi” để thể hiện kiến thức khi tác giả muốn uớm lời các điểm yếu được xác định trong các nghiên cứu trước và chỉ ra những gì cần phải được nghiên cứu.

4.2.2. Từ chỉ lượng và tiền tố phủ định

Theo Swales và feak [8, tr. 258], “cách phổ biến nhất để chỉ ra khoảng cách là sử dụng đối tượng tiền tố phủ định”. Từ chỉ lượng, chẳng hạn như sau, có thể hữu ích trong việc chỉ ra những thiếu sót của các nghiên cứu trước đây và do đó chuẩn bị tiền đề cho việc thực hiện nghiên cứu hiện tại. “Một vài” và “rất ít” mặc dù không có hình thái tiêu cực, nhưng lại tiêu cực về nghĩa và hành vi cú pháp. Có những xu hướng khác nhau trong việc sử dụng từ chỉ lượng và tiền tố phủ định trong A-ELMTIs và V-ELMTIs. Cụ thể là, trong khi “một vài” với tần số xuất hiện là 53,3% đứng đầu trong A-ELMTIs, thì “rất ít” được tìm thấy với tần số xuất hiện là 58,3% đứng đầu trong V-ELMTIs, không có trường hợp nào sử dụng “rất ít” trong A-ELMTIs. Sử dụng “hạn chế” là một cách để cho thấy các nghiên cứu khác hoặc phạm vi của đề tài đã được hạn chế ở một số lĩnh vực hay phương diện nhất định và do đó những vấn đề nêu ra dự định sẽ được nghiên cứu trong đề tài hiện tại. Từ “hạn chế” xuất hiện bốn lần trong A-ELMTIs và 5 lần ở V-ELMTIs.

4.2.3. Từ phủ định

Loại thứ ba của các chỉ số ngôn ngữ học được nghiên cứu trong phân tích dữ liệu trong đề tài này là từ phủ định. Celce-Murcia và Larsen-Freeman [2, tr. 196] giải thích “việc sử dụng chính của từ phủ định là hướng vào một đề xuất đã có trong diễn ngôn” và được sử dụng để hồi đáp nhiều hơn là để khởi xướng. Họ cũng dựng lên một lý thuyết giả định rằng từ phủ định sẽ nhận trọng âm nổi bật trong khi nó cũng được dùng để giảm thiểu sự bất đồng, có lẽ là vì lợi ích của việc duy trì hòa hợp xã hội. Từ phủ định thường được biết là được sử dụng trong việc xác định cái gì đó hoặc là bị lỗi hoặc chưa được chú ý đầy đủ. Nhờ vậy, họ cũng giả định rằng, việc sử dụng các từ phủ định như là một sự lựa chọn tự nhiên để mở đường cho tác phẩm của mình. Trái với suy đoán này, xu hướng sử dụng từ phủ định lại được dùng rất thấp trong A-ELMTIs và V-ELMTIs khi so sánh với việc sử dụng liên từ, từ chỉ lượng và tiền tố

phủ định. “Không có” và “không” đã không xuất hiện trong bất kỳ phần giới thiệu luận văn nào của cả hai ELMTIs.

5. Kết luận

Nghiên cứu này mô tả về phân tích đặc trưng cú pháp và từ vựng của phần mở đầu luận văn thạc sĩ viết bằng tiếng Anh tại Úc và Việt Nam. Về phương diện đặc trưng cú pháp, rõ ràng sự khác biệt lớn nhất là việc sử dụng câu đơn và câu ghép. Câu đơn được sử dụng với tần số lớn hơn nhiều ở V-ELMTIs so với A-ELMTIs, trong khi đó câu

phức lại được sử dụng nhiều hơn ở A-ELMTIs. Đối với sự lựa chọn từ vựng, cả hai ELMTIs tại Úc và Việt Nam đã sử dụng “các thuật ngữ đối chiếu”, “từ chỉ lượng và tiền tố phủ định” cũng như “từ phủ định” để diễn đạt những câu trái ngược nhau trong các vấn đề có liên quan. Cụ thể là, A-ELMTIs sử dụng “các thuật ngữ đối chiếu”, “từ chỉ lượng và tiền tố phủ định” với tỷ lệ cao hơn so với V-ELMTIs, mặc dù vậy tỷ lệ sử dụng những thuật ngữ “từ phủ định” lại không đáng kể trong cả hai V-ELMTIs và A-ELMTIs./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Brown, G. And Yule, G. (1983), *Discourse Analysis*, Cambridge University Press.
 [2] Celce-Murcia, M. & D. Larsen-Freeman (1999), *The GrammarBook*, 2nd ed. Boston: Heinleand Heinle.
 [3] Cook, G. (1998), *Discourse*, Oxford University Press, Oxford.
 [4] Halliday, M.A.K. & Hasan, R. (1989), *Language, context, and text*, Oxford University Press, Oxford, UK.
 [5] Nunan, D. (1993), *Introducing Discourse Analysis*, Penguin English.
 [6] Quirk, R et al. (1985), *A comprehensive Grammar of the English Language*, London: Longman.
 [7] Salkie, R. (1995), *Text and Discourse Analysis*, Routledge, London & New York.
 [8] Swales, J.M. & C. Feak (2004), *Academic Writing for GraduateStudents. Essential Tasks andSkills*, 2nd ed. Ann Arbor: TheUniversity of Michigan Press.
 [9] Thorne, S. (1997), *Mastering Advanced English Language*, Macmillan press.
 [10] Yeibo, E. (2011), “Patterns of Lexical Choices and Stylistic Function in J.P. Clark-Bekederemo’s Poetry”, *International Journal of English Linguistics*, 1 (1), 138.

EXAMINING SYNTACTIC AND LEXICAL FEATURES OF THE INTRODUCTION OF M.A. THESES IN ENGLISH LINGUISTICS IN VIETNAM AND AUSTRALIA

Summary

Based on discourse analysis theories, this study focused on describing and analyzing typical discourse features of English language master thesis introductions in Australia (A-ELMTIs) and those in Vietnam (V-ELMTIs) in terms of syntactic and lexical features. With regard to syntactic features, simple sentences were used with far greater frequency in V-ELMTIs than in A-ELMTIs, whereas more complex sentences were found in A-ELMTIs. Lexically, A-ELMTIs used a higher proportion of “contrast terms” and “quantifiers and quasi-negatives” than that of V-ELMTIs, namely “contrast terms”, and there was little presence of “negatives” in both.

Keywords: masters theses, discourse analysis, syntax, lexicon.

Ngày nhận bài: 2/11/2015; Ngày nhận lại: 3/12/2015; Ngày duyệt đăng: 15/12/2015.